TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2018
Tranh chấp V/v Kiện xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚCCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Thế Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Bộ

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:Bà Bùi Thị Nhuần- Kiểmsátviên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 216/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc *"Kiện xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST- HNGĐ ngày 01/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T,sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm 1976; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/9/2017, biên bản lấy lời khai, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh

Hải Dương ngày 28/5/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ chồng ở xã V đến khoảng giữa năm 2014 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, nên giữa vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung, dẫn đến việc vợ chồng thường xảy ra cãi vã, anh đánh đập chị nhiều lần. Mặc dù đã được người thân nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp. Do vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2015 cho đến nay, chị về nhà bố mẹ đẻ ở xã T sinh sống, không còn quan tâm đến nhau, việc ai nấy làm. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn anh L;

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Duy Đ, sinh ngày 03/4/2005, hiện đang ở với bố và ông bà nội. Khi anh chị ly hôn chị tùy quan điểm của con, ở với ai là tùy con. Trường hợp cháu ở với mẹ, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 8 và ngày 19/12/2017, biên bản hòa giải bị đơn anh Vũ Văn L trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã V ngày 28/5/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì mâu thuẫn. Đến năm 2014 chị T bỏ nhà đi, không sống cùng với anh nữa. Nay chị xin ly hôn, anh mong muốn chị rút đơn về đoàn tụ cho con đỡ khổ, nhưng nếu chị T cương quyết thì đề nghị Tòa giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Duy Đ, sinh ngày 03/4/2005, hiện đang ở với bố, với ông bà nội và học cấp 2 xã V. Khi bố mẹ ly hôn con muốn ở với ai là tùy con. Trường hợp con ở với anh, anh không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con, còn chị T tự nguyện cấp dưỡng như thế nào là tùy chị T.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh không có phương tiện đi lại, nhà cách Tòa khá xa, cách sông, cách đò, nên khi Tòa báo gọi, anh không thể đến Tòa làm việc được. Đề nghị Tòa giải quyết ly hôn vắng mặt anh theo nguyện vọng của chị T.

Tại bản lấy lời khai ngày 01/11/2017 có mặt của người giám hộ là chị T, Cháu Vũ Duy Đ trình bày quan điểm: Quá trình chung sống cháu thấy bố mẹ thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu tự nguyện đề nghị xin được ở với bố.

Đại diện thôn, Chi Hội phụ nữ thôn B và gia đình anh L cung cấp: Anh L, chị T kết hôn năm 2004 tại xã V. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại Thôn cho đến năm 2013 thì xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L nghiện rượu,

hay uống rượu không làm chủ được hành vi của mình, cấm đoán chị đi làm công ty một cách vô cớ, dẫn đến áp lực tinh thần cho chị. Thỉnh thoảng chính quyền địa phương lại phải mời ra hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh chị không ra hòa giải nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng, đến năm 2014 chị T bỏ nhà, không còn sống chung cùng anh L cho đến nay. Trong thời gian này chị có vài lần về đón đưa con đi chơi, nhưng không sống chung cùng anh L nữa. Nay chị xin ly hôn, quan điểm của địa phương, Chi Hội phụ nữ là đề nghị Tòa căn cứ tình trạng thực tế vợ chồng cũng đã ly thân, không đoàn tụ được nữa để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Bị đơn - anh L đã được triệu tập hợp lệ đến tòa nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn được Tòa triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết là không chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đề nghị giải quyết cho ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Kim Thành, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vũ Văn L vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị được xử án vắng mặt, nên Tòa xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu xin ly hôn:* Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Kim Thành ngày 28/5/2004 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của chị T, anh L lời khai của những người làm chứng, cung cấp của ban ngành đoàn thể địa phương nơi vợ chồng nơi cư trú là có đủ cơ sở để xác định vợ chồng chị T, anh L chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân do việc anh L thường uống, say rượu không làm chủ hành vi của mình, cấm đoán, đánh đập, gây áp lực tinh thần vô cớ đối với công ăn việc làm, cuộc sống hàng ngày của chị, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Chính quyền địa phương, ban ngành đoàn thể đã nhiều lần triệu tập vợ chồng để hòa giải, nhưng anh chị đều không đến, làm cho mâu thuẫn ngày một trầm trọng, gia đình hai bên đã khuyên giải, động viên nhưng không thành, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn P, xã T, huyện K sống ly thân với anh L từ hơn ba năm nay, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau là đủ cơ sở xác định tình trạng vợ chồng như vậy là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Trên cơ sở thực tế cuộc sống hiện nay của cháu Đ, quan điểm của cháu, của vợ chồng, ý kiến của ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương và gia đình anh L, Hội đồng xét xử xét thấy việc duy trì cháu Đ tiếp tục sống với bố và ông bà nội là đảm bảo cuộc sống bình thường, không làm xáo trộn, gây ảnh hưởng tâm sinh lý của cháu. Do vậy, giao cháu Đ cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh không yêu cầu chị đóng góp nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản, công nợ chung:* Anh L, chị T đều không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị T là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân và Gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 35; Điều 39; Điều 227, 228; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử về tình cảm vợ chồng:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Vũ Văn L.

3. Về con chung: Xử giao con chung là Vũ Duy Đ, sinh ngày 03/4/2005 cho anh Vũ Văn L tiếp tục nuôi dưỡng kể từ tháng 3/2018 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2016/0000599 ngày 10/10/2017, chị T đã nộp xong án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày. Đối với nguyên đơn thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơinhận:
- *VKSND huyện Kim Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Kim Thành;*
- *UBND xã V, huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu V.P.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Hưng